

**DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 - 2023**

A. Đối với ứng viên xét tuyển chức danh giáo viên:

I.- Kiến thức chung:

1. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;
2. Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*); Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông (*ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);
3. Quy định về đạo đức nhà giáo (*ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);
4. Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BDGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 16/2017/BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.
5. Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
6. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

II. Nội dung phỏng vấn - thực hành giảng dạy

- Câu hỏi phỏng vấn:

+ Nội dung câu hỏi: trong chương trình sách giáo khoa theo bậc học (*thí sinh được phép mang theo sách giáo khoa; không được mang theo sách giáo viên, sách hướng dẫn giảng dạy các môn*)

+ Câu hỏi: là yêu cầu trình bày cách giảng dạy một hoặc một số khái niệm, định nghĩa, bài tập hoặc nội dung liên quan trong sách giáo khoa.

- Cách tiến hành phỏng vấn:

+ Thí sinh nhận đề và chuẩn bị nội dung trình bày: khoảng 10 phút.

+ Trình bày theo nội dung câu hỏi đã yêu cầu.

+ Trả lời các câu hỏi của giám khảo phỏng vấn.

B. Đối với ứng viên xét tuyển chức danh nhân viên

I. KIẾN THỨC CHUNG

1. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

2. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25 tháng 11 năm 2019; 4. Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018.

3. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019.

4. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

6. Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập

7. Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập

8. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên

9. Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

10. Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

1. Chức danh Thư viện

- Thông tư số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện phổ thông.

- Thông tư số 01/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện phổ thông.

- Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện

- Công văn số 11185/GDTH ngày 17 tháng 12 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.

2. Chức danh Kế toán

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015.

- Luật quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán.

- Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công.

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên.

- Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ (*xem phần tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên ngành Kế toán*)

- Kiến thức chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm dự tuyển.

3. Chức danh Y tế (Y sĩ)

- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009.
- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ (*xem phần tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên ngành Y sĩ*).
- Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.
- Quyết định số 2088/BYT-QĐ ngày 06 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định về y đức.
- Kiến thức về chăm sóc sức khỏe học sinh tại trường học.

4. Chức danh Y tế (Điều dưỡng)

- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009.
- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y (*xem phần tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên ngành Điều dưỡng*).
- Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.
- Quyết định số 2088/BYT-QĐ ngày 06 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định về y đức.
- Kiến thức về chăm sóc sức khỏe học sinh tại trường học.